

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 25 tháng 6 năm 2024

**KẾT QUẢ KIỂM TRA AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA**

**A. THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

**1. Tên đập (hồ chứa):** Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu

**2. Địa điểm xây dựng:** xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

**3. Nhiệm vụ:** Thủy lợi  Thủy điện  Cấp nước

**4. Cấp công trình:** công trình thủy lợi cấp IV

**5. Năm xây dựng:** 2013 **Năm hoàn thành:** 2016

**6. Tên chủ sở hữu đập (hồ chứa):** UBND thành phố Quy Nhơn

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thành phố Quy Nhơn, số 30 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256.3822176 Fax:0256.3826076 Email: [ubndtpquynhon@quynhon.binhdingh.gov.vn](mailto:ubndtpquynhon@quynhon.binhdingh.gov.vn)

Họ tên người Đại diện theo pháp luật: Ngô Hoàng Nam – Chủ tịch UBND thành phố

**Đơn vị vận hành khai thác trực tiếp:** Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn

Địa chỉ: Lầu 10 - Trung tâm hành chính thành phố Quy Nhơn, số 30 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3812879

Họ tên người Quản lý trực tiếp: Nguyễn Thành Tường – Giám đốc

(Đơn vị vận hành trạm cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định)

Địa chỉ: Số 146 Lý Thái Tổ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3747306 Fax: 0256 3847843

Người đại diện: Lê Tiến Dũng – Giám đốc

**7. Cơ quan quản lý:** Phòng Kinh tế thành phố Quy Nhơn

Địa chỉ: Lầu 8 - Trung tâm hành chính thành phố Quy Nhơn, số 30 Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3813709

Họ tên người quản lý: Phan Tuấn – Trưởng phòng

**8. Thời điểm đánh giá/kiểm định an toàn đập gần nhất:** Ngày 25/6/2024.

**9. Hồ chứa:**

9.1. Diện tích lưu vực (km<sup>2</sup>): 0,18 (tương đương 18 ha).

9.2. Mức nước chết (m): 6,50 (tương đương 1,0m tính từ đáy hồ)

9.3. Dung tích chết (m<sup>3</sup>): 5.711

9.4. Mức nước dâng bình thường (m): 18,5 (tương đương 13m tính từ đáy hồ)

9.5. Dung tích hữu ích (m<sup>3</sup>): 80.473

9.6. Dung tích tổng cộng (m<sup>3</sup>): 86.184

9.7. Mức nước lớn nhất thiết kế (m): 18,5 (tương đương 13m tính từ đáy hồ)

9.8. Mức nước lũ kiểm tra (m): 19,1 (tương đương 13,6m tính từ đáy hồ)

9.9. Dung tích phòng lũ ( $m^3$ ): 91.598

9.10. Mức nước lũ lớn nhất đã xảy ra (m): 18,5 (tương đương 13m tính từ đáy hồ).

9.11. Tốc độ thay đổi mực nước thượng lưu đập lớn nhất đã xảy ra (m/ngày đêm):

9.12. Thời điểm tích nước lần đầu đến mực nước dâng bình thường: Ngày 07/11/2019 (đạt cao trình 15,5m tương đương 10m tính từ đáy hồ).

#### **10. Đập chính:**

10.1. Cấp công trình đầu mối: Cấp III.

10.2. Kết cấu đập: Kết cấu thân đập bằng bê tông M200 bên trong xây lõi đá học vữa xi măng M100, khoảng cách trung bình 15m bố trí 01 khe lún kết hợp khe nhiệt; mỗi nối khe sử dụng nhét bao tải nhựa đường và khớp nối PVC Ø250 chống thấm

10.3. Chiều dài (m): 126

10.4. Chiều cao (m): 14

10.5. Cao trình đỉnh đập: + 19,5

10.6. Cao trình tường chắn sóng : .....

#### **11. Đập phụ:**

11.1. Kết cấu đập: Thân đập bằng bê tông M200 bên trong xây lõi đá học vữa xi măng M100, khoảng cách trung bình 15m bố trí 01 khe lún kết hợp khe nhiệt; mỗi nối khe sử dụng nhét bao tải nhựa đường và khớp nối PVC Ø250 chống thấm.

11.2. Chiều dài (m): 46

11.3. Chiều cao (m): 14,4

11.4. Cao trình đỉnh đập: +19,5

11.5. Cao trình tường chắn sóng: .....

#### **12. Tràn xả lũ:**

12.1. Vị trí: Bố trí trên thân đập chính.

12.2. Kết cấu: Thân đập tràn phần lõi bằng đá học xây vữa xi măng M100, bên ngoài bọc bê tông M200; mỗi nối khe sử dụng nhét bao tải nhựa đường và khớp nối PVC Ø250 chống thấm

12.3. Hình thức tràn: Tràn tự do.

12.4. Hình thức tiêu năng: Tràn xả lũ nối tiếp hạ lưu bằng bể tiêu năng và kênh tiêu.

12.5. Hình thức đóng mở: Tràn tự do.

12.6. Chiều rộng tràn (m): 6,8

12.7. Cao trình ngưỡng tràn (m): +18,5

12.8. Lưu lượng xả thiết kế ( $Q_{tk}$ ,  $m^3/s$ ): .....

#### **13. Các công lấy nước, tháo nước: Bể tiêu năng, công qua đường, kênh tiêu hạ lưu tràn xả lũ**

13.1. Vị trí: dưới đập chính

13.1. Lưu lượng thiết kế ( $Q_{tk}$ ,  $m^3/s$ ): .....

13.3. Kết cấu:

- Bể tiêu năng: Kết cấu đáy bằng bê tông M200 dày 40cm, thành bể cao 4,9m, kết cấu bằng bê tông M200.

- Công qua đường: Dạng cầu bản mỏng nhẹ, kết cấu móng và tường công bằng bê tông M200; kết cấu xà mũ và dầm bản BTCT M300, lan can bằng ống thép mạ kẽm.

- Kênh tiêu hạ lưu tràn xả lũ: Kết cấu móng và thân tường xây đá học vữa xi măng M100.

- Công xả cát: Kết cấu thân công bằng ống thép đường kính D600 dày 8mm. Van đóng mở bằng van chặn VC600 ở hạ lưu công.

13.4. Chế độ chảy: chảy tự do

13.5. Chiều dài công:

- Công qua đường (m): 6

- Kênh tiêu hạ lưu tràn xả lũ (m): 95

- Cổng xả cát (m): 11,5

13.6. Kích thước cổng:

- Bề tiêu năng: (6x7,95)m

- Cổng qua đường: khẩu độ thoát nước 6m, bề rộng mặt cầu 6m.

- Kênh tiêu hạ lưu tràn xả lũ: (1,6x1,5)m.

- Cổng xả cát: ống thép đường kính D600 dày 8mm.

13.7. Cao trình đáy cổng:

- Bề tiêu năng: cao trình đáy bề +4,8m.

- Cổng xả cát: cao trình đáy cửa vào +5,5m

**14. Kết quả kiểm định an toàn đập (hồ chứa) gần nhất:** Không.

**B. KIỂM TRA AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA**

**1. Kết quả kiểm tra trực quan đập chính**

*1.1. Tình trạng nứt:*

- Không có

- Có nứt cũ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển:.....

- Có nứt mới  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển:.....

*1.2. Tình trạng thấm*

Thân đập:

- Không thấm

- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....

- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển: .....

Nền đập:

- Không thấm

- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

Vai trái:

- Không thấm

- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

Vai phải:

- Không thấm

- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển.....

*1.3. Biến dạng của đập*

- Sạt trượt mái th.lưu: Không có ; Có mức độ nhẹ ; Có mức độ nặng

Mô tả vị trí: .....

- Sạt trượt mái hạ lưu: Không có ; Có mức độ nhẹ ; Có mức độ nặng

Mô tả vị trí: .....

\*) **Đánh giá qua trực quan:** Hiện trạng không có cây cỏ mọc trên mái đập, tổ mối, hang hốc do động vật đào (công việc kiểm tra, xử lý được thực hiện thường xuyên).

## 2. Kết quả kiểm tra trực quan đập phụ

### 2.1. Đập phụ

#### 2.1.1. Tình trạng nứt:

- Không có   
- Có nứt cũ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển:.....  
- Có nứt mới  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển:.....

#### 2.1.2. Tình trạng thấm

##### Thân đập:

- Không thấm   
- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....  
- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....

##### Nền đập:

- Không thấm   
- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....  
- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển: .....

##### Vai trái:

- Không thấm   
- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....  
- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....

##### Vai phải:

- Không thấm   
- Thấm mức độ nhẹ  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....  
- Thấm mức độ nặng  Mô tả vị trí, sự phát triển:.....

#### 2.1.3. Biến dạng mái của đập

- Sạt trượt mái th.lưu: Không có ; Có mức độ nhẹ ; Có mức độ nặng

Mô tả vị trí: .....

- Sạt trượt mái hạ lưu: Không có ; Có mức độ nhẹ ; Có mức độ nặng

Mô tả vị trí: .....

**\*) Đánh giá qua trực quan:** Hiện trạng không có cây cỏ mọc trên mái đập, tổ mối, hang hốc do động vật đào (công việc kiểm tra, xử lý được thực hiện thường xuyên).

### **3. Kết quả kiểm tra trực quan trần xả lũ**

#### **3.1. Trần xả lũ**

##### *3.1.1. Tình trạng lún, nứt:*

- Không có
- Có nứt cũ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Có nứt mới  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

##### *3.1.2. Thân trần:*

- Còn tốt
- Hư hỏng nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Hư hỏng nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

##### *3.1.3. Tiêu năng:*

- Còn tốt
- Xói lở nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Xói lở nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

##### *3.1.1. Hệ thống đóng mở:*

- Vận hành tốt
- Có sự cố nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Sự cố nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

**\*) Đánh giá qua trực quan:** Đảm bảo vệ sinh, thông thoáng; không có vật cản dòng chảy.

### **4. Kết quả kiểm tra trực quan cống lấy nước**

#### **4.1. Cống lấy nước**

##### *4.1.1. Tình trạng lún, nứt:*

- Không có
- Có vết cũ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Có vết mới  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

##### *4.1.2. Thân cống:*

- Còn tốt
- Hư hỏng nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Hư hỏng nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

##### *4.1.3. Tháp cống, dàn van:*

- Còn tốt
- Hư hỏng nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Hư hỏng nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

**4.1.4. Hệ thống đóng mở:**

- Vận hành tốt
- Sự cố nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Sự cố nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

**\*) Đánh giá qua trực quan:** Đảm bảo vệ sinh, thông thoáng; không có vật cản dòng chảy.

**5. Hệ thống điện vận hành:**

- Vận hành tốt
- Sự cố nhẹ  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....
- Sự cố nặng  Mô tả vị trí, mức độ, sự phát triển.....

**\*) Đánh giá:** Hệ thống điện phục vụ công tác vận hành đảm bảo an toàn theo quy định, đồng thời các máy phát điện dự phòng được bảo dưỡng định kỳ và dự trữ đủ nhiên liệu để phục vụ khi mất điện lưới.

**6. Kết quả kiểm tra chất lượng Đập (Hồ chứa) và các công trình liên quan, hệ thống vận hành qua phân tích tài liệu quan trắc**

**5.1. Về hồ sơ quan trắc công trình**

Đầy đủ ; Không đầy đủ ; Không có

**5.2. Kết quả quan trắc: (Nếu có)**

**\*) Đánh giá an toàn qua số liệu quan trắc.....**

**7. Đánh giá tình trạng chất lượng Đập (hồ chứa) và các công trình liên quan qua công tác kiểm tra**

Đập:	Tốt <input type="checkbox"/>	Trung bình <input checked="" type="checkbox"/>	Kém <input type="checkbox"/>
Các công trình liên quan:	Tốt <input checked="" type="checkbox"/>	Trung bình <input type="checkbox"/>	Kém <input type="checkbox"/>
Hệ thống vận hành:	Tốt <input checked="" type="checkbox"/>	Trung bình <input type="checkbox"/>	Kém <input type="checkbox"/>

**C. Đánh giá chung về an toàn Đập (Hồ chứa) qua công tác kiểm tra hiện trường**

**1. Mô tả lịch sử về an toàn công trình: (đã xảy ra sự cố chưa, cách khắc phục)**

Việc xử lý các khe lún tiếp giáp đập chính, đập phụ (cả 02 phía), khe co dãn, mạch ngừng, các vị trí tiềm ẩn nguy cơ thấm trên bản đáy theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố tại Thông báo số 573/TB-UBND ngày 14/7/2023, theo đó giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố (Ban QLDA) triển khai thực hiện. Ban QLDA đã tổ chức tiến hành khắc phục từ ngày 18/8 đến ngày 06/10/2023.

Từ tháng 10 đến tháng 12/2023, trên địa bàn xã Nhơn Châu có mưa, tuy nhiên lượng mưa không lớn, mực nước hồ chứa đạt mức nước cao nhất là 9,0m (cao trình +14,5m) vào ngày 25/11/2023. Với cao trình +14,5m, hồ chứa cơ bản không xuất hiện các điểm thấm, rò rỉ nước qua thân đập.

**2. Đánh giá chung:** Hồ tích nước bình thường.

**D. Kiến nghị:**

Đề nghị Ban QLDA có báo cáo kết quả xử lý các tồn tại của Hồ chứa nước ngọt Nhơn Châu theo Thông báo kết luận số 573/TB-UBND ngày 14/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố; làm cơ sở báo cáo thẩm quyền theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố (báo cáo);
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Lãnh đạo Ban;
- Cty CP CTN Bình Định (phối hợp);
- Lưu: VT, KH-KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thành Tường**

